

Số: 26/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin
của Trường Đại học Đại Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVI;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Đại Nam, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVI ngày 02-03/3/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Đại Nam của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
(Kèm theo Nghị quyết số: 26/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.1	4	3.80	4	80%
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2				Tiêu chí 7.4	3				
Tiêu chí 2.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4.20	5	100%
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chí 8.2	4				
Tiêu chí 3.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4				Tiêu chuẩn 9					
Tiêu chí 4.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 9.1	4	3.80	4	80%
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5				Tiêu chí 9.4	4				
Tiêu chí 5.1	4	3.80	4	80%	Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	3.83	5	83.33%
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	3						
Tiêu chuẩn 6				Tiêu chí 10.4	4				
Tiêu chí 6.1	4	3.71	5	71.43%	Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4	4.20	5	100%
Tiêu chí 6.5	3				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 6.7	3				Tiêu chí 11.4	4			
		Tiêu chí 11.5	4						
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		41			82%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
(Kèm theo Nghị quyết số: 26/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin (CTĐT) của Trường Đại học Đại Nam đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, cập nhật. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần có các thông tin cốt lõi về CTĐT và các HP. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra đảm bảo tính logic, linh hoạt. Phương pháp dạy-học khá đa dạng; hoạt động thực hành, thực tế, ngoại khóa, rèn luyện phát triển kỹ năng, kiến thức chuyên môn được chú trọng. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định, hướng dẫn; kết quả đánh giá được công bố kịp thời để giúp người học cải thiện việc học tập. Công tác quy hoạch, thu hút đội ngũ giảng viên, nhân viên được quan tâm; năng lực, khối lượng công việc của từng vị trí công việc được quy định; kết quả thực hiện được đánh giá thường xuyên. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn người học được công bố công khai và thực hiện hiệu quả. Cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Hệ thống phản hồi, lấy ý kiến của các bên liên quan được thiết lập; kết quả được sử dụng làm căn cứ cải tiến CTĐT. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát. Tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành đào tạo cao.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Cải tiến việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan và tham khảo các CTĐT tiên tiến để tiếp tục rà soát, cập nhật mục tiêu và CĐR của CTĐT đảm bảo rõ ràng, bám sát yêu cầu Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Nghiên cứu xác định rõ mục tiêu và CĐR theo các định hướng chuyên sâu của ngành đào tạo; điều chỉnh CĐR và xây dựng các chỉ báo cụ thể để tạo thuận lợi cho việc đo lường được liên kết với các HP và phù hợp với mục tiêu CTĐT.
2. Nghiên cứu ban hành riêng Bản mô tả CTĐT, cấu trúc lại các thông tin một cách khoa học hơn để tăng hiệu quả truyền thông về CTĐT. Rà soát, hoàn thiện ĐCCT HP để đảm bảo tính logic của các thành phần và có đóng góp hợp lý vào đạt CĐR của CTĐT; thể hiện rõ ràng hơn các thông tin về mục tiêu và CĐR của HP; thời lượng được phân bổ hợp lý cho giờ lí thuyết, bài tập, thực hành, thảo luận; bổ sung, cập nhật đầy đủ, phù hợp các tài liệu học tập.
3. Rà soát, hoàn thiện CTDH: phân tích cụ thể mức độ đóng góp của học phần vào đạt CĐR của CTĐT; từ đó, thiết kế nội dung HP, các phương pháp dạy-học và KTĐG phù hợp và

đảm bảo các HP đều có đóng góp vào đạt CĐR của CTĐT; rà soát, phân tích luận cứ để điều chỉnh tăng/giảm các HP/kiến thức cho phù hợp với các CĐR; nghiên cứu tăng thời lượng cho thực tập doanh nghiệp.

4. Xây dựng hướng dẫn và có kế hoạch hành động để chuyển tải triết lý giáo dục của Nhà trường vào trong các hoạt động dạy - học. Tiếp tục đổi mới dạy và học: kết hợp đào tạo trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi cho NH rèn luyện năng lực tự học và phù hợp với mô hình đào tạo 3.5 năm; tăng cường các hoạt động học tập trải nghiệm; khuyến khích SV tham gia NCKH; lồng ghép trong thực hiện CTĐT các phương pháp học, phương pháp tra cứu và tìm kiếm tài liệu, phương pháp xử lý tình huống và có hướng dẫn, giám sát và đánh giá hoạt động tự học của người học.

5. Rà soát, cập nhật các quy định về KTĐG; có quy định, hướng dẫn và lộ trình cụ thể về việc đánh giá mức độ đạt CĐR của CTĐT theo quy định. Hoàn thiện việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi. Đa dạng các hình thức, nhất là đánh giá kỹ năng và các năng lực tư duy bậc cao và có các tiêu chí đánh giá phù hợp với từng loại hình. Thực hiện thẩm định, phân tích đề thi, phân tích kết quả thi để có những điều chỉnh và tăng cường giám sát việc tuân thủ các quy trình ra đề thi, chấm thi và lưu trữ kết quả đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, sự công bằng và có những điều chỉnh đảm bảo phù hợp với CĐR.

6. Có chiến lược và các chính sách, cơ chế mang tính hệ thống trong thu hút đội ngũ GV trẻ có năng lực, phát triển GV đầu ngành và giữ chân GV có trình độ cao. Quy định cụ thể về nhiệm vụ kết nối, phục vụ cộng đồng để phân công thực hiện, đánh giá và cân bằng khối lượng công việc đối với GV. Cụ thể hóa yêu cầu năng lực và thực hiện đánh giá, tăng cường đầu tư cho đào tạo, phát triển năng lực GV cho CTĐT; hướng dẫn, quy định tiêu chí cụ thể để quản trị kết quả đầu ra và đãi ngộ. Có chính sách đầu tư và cơ chế thúc đẩy NCKH trong GV để có đề tài các cấp, nghiên cứu liên ngành và chuyển giao gắn với phục vụ cộng đồng.

7. Khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo yêu cầu VTVL và tiếp cận năng lực KSA. Xây dựng quy định, hướng dẫn và phát triển công cụ khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên một cách bài bản; phân tích yêu cầu công việc để xây dựng và triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp theo vị trí và có cơ chế thực hiện thường xuyên, hiệu quả.

8. Phân tích, đánh giá toàn diện chính sách, tiêu chí tuyển sinh để có những cải tiến phù hợp nhằm tăng hiệu quả cho công tác tuyển sinh; có biện pháp khả thi và lộ trình tăng chất lượng tuyển sinh đầu vào để định vị thương hiệu của CTĐT. Xem xét chuyển đổi sang đào tạo tín chỉ và chuyển vai trò của GVCN sang CVHT khi quy mô tuyển sinh ngày càng tăng. Đánh giá mô hình đào tạo 3 HK/năm kết hợp thu thập dữ liệu giám sát tiến độ và kết quả học tập của NH để cân nhắc, điều chỉnh khi áp dụng. Tăng cường ứng dụng AI và CNTT nhằm giảm tải áp lực hành chính cho hệ thống hỗ trợ; kiến tạo thêm không gian học tập, khuyến khích đổi mới sáng tạo cho NH.

9. Tăng cường công tác chuyển đổi số, xây dựng hệ thống phần mềm tích hợp và các cơ sở dữ liệu dùng chung; đẩy mạnh số hóa tài liệu, nhất là tài liệu nội sinh phục vụ tra cứu trực tuyến; có giải pháp đầu tư khai thác những ưu thế của thư viện điện tử; mở rộng nguồn học liệu và bản quyền truy cập, nhất là quyền truy cập các tạp chí chuyên ngành quốc tế để tăng hiệu

quả sử dụng. Tăng kinh phí cho biên soạn, xuất bản giáo trình, bài giảng; thường xuyên bổ sung, cập nhật nguồn học liệu đáp ứng đầy đủ yêu cầu của CTĐT.

10. Rà soát, hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong: cập nhật các công cụ khảo sát; có cơ chế phản hồi linh hoạt hơn và phù hợp với đối tượng khảo sát; xác định cụ thể tiêu chí lựa chọn các bên liên quan tham gia lấy ý kiến để tăng chất lượng thông tin. Cải tiến hệ thống các PPGD, KTĐG đảm bảo đồng bộ, tương thích với CĐR. Quy định và hướng dẫn cụ thể việc phân tích, xử lý kết quả khảo sát và sử dụng kết quả khảo sát trong hoạt động ĐBCL. Nghiên cứu đầu tư hạ tầng CNTT đảm bảo tích hợp các tính năng lưu trữ, tổng hợp dữ liệu, đồng thời có thể trích xuất dữ liệu phục vụ các yêu cầu cải tiến chất lượng cho CTĐT.

11. Có giải pháp hiệu quả khuyến khích SV học trước, học vượt để tốt nghiệp sớm. Rà soát, hoàn thiện các quy định và có cơ chế, chính sách để khuyến khích và thúc đẩy SV tham gia NCKH; tăng nguồn kinh phí chi cho NCKH theo quy định để đáp ứng định hướng phát triển của Nhà trường. Quan tâm thiết lập quan hệ đối tác với các CSGD có uy tín để so chuẩn, đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tình hình việc làm, kết quả NCKH của SV ngành học với SV cùng ngành của các trường đại học khác để cải tiến.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
